

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 78/2025/LĐ-ST

Ngày 30-9-2025

V/v: Tranh chấp hợp đồng lao động

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Kim Thu.

Bà Phạm Thị Thu Yến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hà Giang – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lý Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 196/2025/TLST-LĐ ngày 14 tháng 4 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng lao động” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2025/QĐXXST-LĐ ngày 31 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Danh Minh P, sinh năm 1992; địa chỉ thường trú: ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã N, thành phố Cần Thơ); có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn A; địa chỉ: đường số A, khu công nghiệp Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp: ông Hu Shao J; chức vụ: Tổng Giám đốc; có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Sơn Hà S, sinh năm 1995; địa chỉ thường trú: ấp G, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã L, Thành phố Cần Thơ); có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu - Thành phố H); địa chỉ: đường N, khu phố B, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh; có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 11/4/2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Danh Minh P trình bày:

Ông P có mã số bảo hiểm xã hội là 7911137242. Do có nhu cầu rút bảo hiểm nên ông P đã liên hệ Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là Bảo hiểm xã hội cơ sở L - Thành phố Hồ Chí Minh) và được thông báo thời điểm từ tháng 5 năm 2012 đến tháng 02 năm 2015 ông P có ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH A (sau đây viết tắt là Công ty A1) nên Công ty A1 đã thực hiện đóng bảo hiểm xã hội cho ông P vào thời gian trên.

Thực tế trong khoảng thời gian này ông P đang làm việc tại công ty khác. Thời điểm này ông P cho ông Sơn Hà S (là người quen của ông P) mượn chứng minh nhân dân của ông P để ký hợp đồng lao động với Công ty A1 và tham gia bảo hiểm xã hội với tên của ông P từ tháng 5 năm 2012 đến tháng 02 năm 2015. Trên thực tế, ông S mới là người trực tiếp ký kết hợp đồng và làm việc tại Công ty A1. Do cùng một khoảng thời gian nhưng ông P được đóng bảo hiểm tại hai doanh nghiệp nên ông P không thể rút bảo hiểm xã hội.

Ông P khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa người lao động có tên Danh Minh P (do ông Sơn Hà S là người ký kết) với Công ty TNHH A vô hiệu toàn bộ.

2. Ý kiến của người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH A: thời gian từ ngày 01/5/2012 đến ngày 28/02/2015 Công ty có ký hợp đồng lao động với người lao động có tên là Danh Minh P, đến ngày 05/3/2015 ông P nghỉ việc với lý do bị sa thải (Công ty có ra quyết định sa thải). Trong thời gian ông P làm việc tại Công ty, Công ty có tham gia bảo hiểm xã hội đầy đủ và khi ông P nghỉ việc Công ty đã thực hiện việc chốt sổ bảo hiểm xã hội cho ông P. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Công ty yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Sơn Hà S trình bày:

Trong khoảng thời gian từ tháng 5 năm 2012 đến tháng 02 năm 2015, ông S có mượn giấy tờ của ông P để đi làm tại Công ty TNHH A vì tại thời điểm đó ông S chưa đủ tuổi và cần đi làm để kiếm tiền phụ giúp gia đình. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông P thì ông S thống nhất và không có yêu cầu gì liên quan đến hợp đồng lao động trên.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu thuộc Bảo hiểm xã hội Thành phố H) trình bày tại Công văn số 356/CV-BHXXH ngày 12 tháng 5 năm 2025 với nội dung:

Qua rà soát dữ liệu, Công ty TNHH A đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp cho ông Danh Minh P, sinh năm 1992; số căn cước công dân: 094092012341 (số chứng minh nhân dân: 365906662), với mã số bảo hiểm xã hội 7412156270 từ tháng 5 năm 2012 đến tháng 02 năm 2015. Đồng thời, ông P còn có mã số bảo hiểm 7911137242 tham gia từ tháng 4 năm 2011 đến tháng 9 năm 2023 tại Công ty TNHH L (Việt Nam), đã chốt sổ sổ bảo hiểm ngày 04/10/2023. Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu thuộc Bảo hiểm xã hội Thành phố H) đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

5. Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu như sau:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thời hạn, nội dung, thẩm quyền. Các đương sự chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục về xét xử sơ thẩm vụ án.

Về nội dung: Hợp đồng lao động được ký kết giữa người lao động có tên Danh Minh P (do ông Sơn Hà S là người ký kết) với người sử dụng lao động là Công ty TNHH A vi phạm nguyên tắc trung thực quy định tại Điều 9 của Bộ luật Lao động 1994 (khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động năm 2019). Do đó, căn cứ Điều 132 của Bộ luật Dân sự 2005 (Điều 127 của Bộ luật Dân sự năm 2015), Điều 49, Điều 50 của Bộ luật Lao động năm 2019), hợp đồng lao động giữa ông Danh Minh P (do ông Sơn Hà S là người ký kết) với Công ty TNHH A vô hiệu. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp: ông P khởi kiện yêu cầu tuyên hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động có tên Danh Minh P (do ông Sơn Hà S là người ký kết) với người sử dụng lao động là Công ty A1 trong khoảng thời gian từ tháng 5 năm 2012 đến tháng 02 năm 2015 vô hiệu. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 32 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng lao động”.

[2] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty TNHH A có địa chỉ tại khu phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh). Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh).

[3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: các đương sự đều đã có văn bản trình bày ý kiến và có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Trong thời gian từ tháng 5 năm 2012 đến tháng 02 năm 2015, người lao động tên Danh Minh P giao kết hợp đồng lao động với Công ty A1 và được Công ty A1 tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội là 7412156270. Tuy nhiên, ông P và ông S đều thừa nhận người ký hợp đồng lao động với Công ty A1 và thực tế làm việc tại Công ty T khoảng thời gian từ tháng 5 năm 2012 đến tháng 02 năm 2015 là ông Sơn Hà S (do ông P cho ông S mượn sơ yếu lý lịch và chứng minh nhân dân).

[4.2] Xét thấy, lời khai của ông P và ông S phù hợp với xác nhận của Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu thuộc Bảo hiểm xã hội Thành phố H). Bởi lẽ, trong khoảng thời gian từ tháng 5 năm 2012 đến tháng 02 năm 2015, ông P đang làm việc tại công ty khác và tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số 7911137242. Như vậy, chủ thể ký kết hợp đồng lao động với Công ty A1 trong khoảng thời gian từ tháng 5 năm 2012 đến tháng 02 năm 2015 là ông Sơn Hà S, không phải là ông Danh Minh P.

[4.3] Theo Điều 9 của Bộ luật Lao động năm 1994 và khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động năm 2019, quy định về nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động: *“Quan hệ lao động giữa người lao động và người sử dụng lao động được xác lập và tiến hành qua thương lượng, thỏa thuận theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau, thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết.”; “Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực”; “Tự do giao kết hợp đồng lao động nhưng không được trái pháp luật, thỏa ước lao động tập thể và đạo đức xã hội”.*

Theo quy định về nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động năm 2019, thì: *“Người lao động phải cung cấp thông tin trung thực cho người sử dụng lao động về họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, xác nhận tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu”.*

Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động năm 2019 về hợp đồng lao động vô hiệu thì: *“Người giao kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền hoặc vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật này”.* Theo hướng dẫn tại Công văn số 1767/LĐTBXH-BHXXH ngày 31/5/2022 về việc người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động của Bộ L1 thì: *“Trường hợp người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật*

Lao động và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ...". Do đó, có cơ sở xác định việc ông S mượn hồ sơ cá nhân của ông P để giao kết hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội theo sổ bảo hiểm xã hội số 7412156270 từ tháng 5 năm 2012 đến tháng 02 năm 2015 tại Công ty A1 là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động, đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ.

[4.4] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông Danh Minh P về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa ông Danh Minh P (do ông Sơn Hà S là chủ thể trực tiếp ký kết) với bị đơn Công ty A1 theo sổ bảo hiểm xã hội số 7412156270 từ tháng 5 năm 2012 đến tháng 02 năm 2015 bị vô hiệu.

[54.5] Tại khoản 5 Điều 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về xem xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thỏa ước lao động tập thể vô hiệu: “... *Tòa án phải giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu*”: Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông P và ý kiến của ông S về việc xác định người lao động làm việc tại Công ty A1 trong giai đoạn từ tháng 5 năm 2012 đến tháng 02 năm 2015 là ông Sơn Hà S, không phải là ông Danh Minh P. Ông P và ông S có quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để cải chính thông tin tại sổ bảo hiểm xã hội mã số 7412156270.

[6] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[7] Về án phí sơ thẩm: nguyên đơn ông Danh Minh P tự nguyện chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí lao động sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 và khoản 5 Điều 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các điều 122, 132, 137 của Bộ luật Dân sự năm 2005 (các điều 117, 122, 127 và 131 của Bộ luật Dân sự năm 2015);

Điều 9 của Bộ luật Lao động năm 1994 (các điều 15, 16, 49, 50 và Điều 51 của Bộ luật Lao động năm 2019);

Điểm a khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Danh Minh P về việc “Tranh chấp hợp đồng lao động” với bị đơn Công ty TNHH A.

2. Tuyên bố hợp đồng lao động được giao kết giữa ông Danh Minh P và Công ty TNHH A tháng 05 năm 2012 đến tháng 02 năm 2015 vô hiệu toàn bộ.

3. Xác định người lao động theo sổ bảo hiểm xã hội số 7412156270 không phải là ông Danh Minh P, sinh năm 1992, giới tính: Nam, quốc tịch: Việt Nam, căn cước công dân số: 094092012341 (số chứng minh nhân dân: 365906662). Ông Danh Minh P và ông Sơn Hà S được quyền liên hệ với C có thẩm quyền để tiến hành thủ tục cải chính thông tin tại sổ bảo hiểm xã hội mã số 7412156270.

4. Án phí lao động sơ thẩm: ông Danh Minh P tự nguyện chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí lao động sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001157 ngày 11 tháng 04 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương (nay là Thi hành án dân sự Thành phố H).

5. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngân

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngân

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN T

Nguyễn Thị Kim Thu

Phạm Thị Thu Yến

Nguyễn Thị Ngân

